

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN Y KHOA NĂM THỨ 5 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2023

Đào Thu Hồng¹, Đào Thu Hằng¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng và một số yếu tố liên quan đến hoạt động tự học của sinh viên y khoa năm thứ 5 (Y5) Trường Đại học Y Dược Hải Phòng. **Đối tượng và phương pháp:** điều tra mô tả cắt ngang bằng bộ câu hỏi trên 465 sinh viên Y5. **Kết quả và kết luận:** Sinh viên tự học cả hai lĩnh vực lý thuyết và lâm sàng chiếm 89,2%. 40,4% sinh viên có thời gian tự học mỗi ngày 1-2 giờ lý thuyết, 41,9% sinh viên có thời gian tự học mỗi ngày 1-2 giờ lâm sàng. Phương pháp tự học được sinh viên áp dụng nhiều nhất về lý thuyết là Học sâu hiểu kỹ chiếm 28,5%, về thực hành là Bàn luận các ca lâm sàng chiếm 50,3%. Sinh viên không đi làm thêm chiếm tỷ lệ 57%. Có mối liên quan giữa học lực và thời gian tự học của sinh viên. Nhóm có thời gian tự học lý thuyết 2-4 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có thời gian học lý thuyết khác 2-4 giờ/ngày (OR = 0,4102, p = 0,0117). Nhóm có thời gian tự học lâm sàng 1-2 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi cao hơn nhóm có thời gian học khác 1-2 giờ/ngày (OR = 2,7045, p = 0,0159. Nhóm có thời gian tự học lâm sàng 2-4 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có thời gian học khác 2-4 giờ/ngày (OR = 0,431, p = 0,034). Có mối liên quan giữa học lực và phương pháp tự học lý thuyết của sinh viên. Nhóm có phương

pháp tự học lý thuyết là Học lướt đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có các phương pháp học khác (OR = 0,4261, p = 0,0023).

Từ khóa: tự học, sinh viên y khoa

SUMMARY

SITUATION OF SELF-STUDY OF THE 5TH YEAR MEDICAL STUDENTS AT HAI PHONG UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2023

Objectives: Describe the situation and some factors related to self-study of the 5th year medical students at Hai Phong University of Medicine and Pharmacy. **Subjects and methods:** cross-sectional descriptive survey using a questionnaire on 465 5th year medical students. **Results and conclusions:** the number of students self-studying both theoretical and clinical fields accounted for 89.2%. 40.4% of students had 1 to 2 hours of theoretical self-study per day, 41.9% of students had 1 to 2 hours of clinical self-study per day. The self-study method most used by students in theory was Deep learning, accounted for 28.5%, and in practice was Discussion of clinical cases, accounted for 50.3%. Students who did not work part-time accounted for 57%. There was a relationship between study result and self-study time. The group that had 2 to 4 hours of theoretical self-study per day achieved good or excellent study result lower than the group that had outside of 2 to 4 hours self study per day (OR = 0.4102, p = 0.0117). The group that had 1 to 2 hours clinical self-study per day achieved good or excellent study result higher than the group that had

¹Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Chịu trách nhiệm chính: Đào Thu Hồng

Email: dthong@hpmu.edu.vn

Ngày nhận bài: 26/2/2024

Ngày phản biện khoa học: 16/4/2024

Ngày duyệt bài: 9/5/2024

outside of 1 to 2 hour of self-study per day (OR = 2.7045, p = 0.0159). The group that had 2 to 4 hours clinical self-study per day achieved good or excellent study result lower than the group that had outside of 2 to 4 hour of self-study per day (OR = 0.431, p = 0.034). There was a relationship between study result and theoretical self-study methods. The group that had the theoretical self-study method of Surf learning achieved good and excellent study result lower than the group had others method (OR = 0.4261, p = 0.0023)

Keywords: self-study, medical students

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xã hội bùng nổ thông tin và khoa học kỹ thuật phát triển không ngừng, việc học là cần thiết và suốt đời, đặc biệt với sinh viên y khoa. Để có năng lực hành nghề sau khi tốt nghiệp, ngoài học trên lớp dưới sự hướng dẫn của thầy cô, sinh viên y khoa cần có thời gian tự học để nâng cao kiến thức và năng lực chuyên môn. Tự học sao cho có hiệu quả và phối hợp tốt với giờ học chính khóa để sinh viên đạt được kết quả học tập tốt nhất là vấn đề được các trường Đại học Y Dược và xã hội quan tâm [1],[2],[3]. Thực trạng tự học của sinh viên y khoa như thế nào và những yếu tố nào ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên là vấn đề cần được nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả tự học cũng như chất lượng dạy – học của nhà trường. Đề tài được thực hiện với mục tiêu:

1. *Mô tả thực trạng hoạt động tự học của sinh viên Y5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng trong học kỳ 1 năm học 2022-2023.*

2. *Nhận xét một số yếu tố liên quan đến hoạt động tự học của đối tượng nghiên cứu.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

465 sinh viên Y5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, học kỳ 1 năm học 2022-2023.

Thời gian nghiên cứu từ tháng 09/2022 đến tháng 05/2023.

Địa điểm nghiên cứu tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang, sử dụng bộ câu hỏi tự điền.

Cỡ mẫu: áp dụng công thức tính cỡ mẫu (Sample size) cho nghiên cứu 1 tỷ lệ, tham khảo nghiên cứu của Lý Văn Xuân, tỷ lệ sinh viên có thời gian tự học 2-4 giờ/ngày là 45,2%, sai số tuyệt đối là 5%, tính được cỡ mẫu tối thiểu là 381. Nghiên cứu này chọn được 465 sinh viên tham gia nghiên cứu.

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện.

Tiêu chuẩn chọn mẫu: sinh viên Y5 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng học kỳ 1 năm học 2022-2023 đồng thuận tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: sinh viên Y5 nhưng không thu thập đủ dữ liệu.

Các chỉ số nghiên cứu: giới, học lực, thời gian tự học, địa điểm tự học, lĩnh vực tự học, phương pháp tự học, kết quả học tập, thời gian làm thêm.

Các phương pháp tự học:

- Học sâu hiểu kỹ: đọc kỹ, chi tiết nội dung bài, đặt các câu hỏi và trả lời các câu hỏi để hiểu những gì đã học.

- Học lướt: đọc phần giới thiệu, các đề mục, các ý chính.

- Học qua việc làm test: luyện trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

- Học theo nhóm: nhiều sinh viên học cùng nhau.

- Học có sự hướng dẫn của thầy cô, anh chị khoá trên: sinh viên tự học có sự định hướng, hỗ trợ của thầy cô hoặc anh chị khóa trên.

- Bàn luận ca lâm sàng: học dựa trên thảo luận các ca bệnh

- Thực hành dưới sự quan sát: sinh viên quan sát và phản hồi cho nhau thực hiện các kỹ năng lâm sàng theo bảng kiểm

- Đóng vai mô phỏng ca lâm sàng: học bằng đóng vai trong các tình huống lâm sàng

- Tăng cường đi bệnh viện: đi học, đi trực thêm ở bệnh viện ngoài lịch học bình thường [3].

Số liệu được thể hiện qua tỷ lệ %, số trung bình, độ lệch chuẩn, kiểm định Chi-square, OR. Phần mềm phân tích số liệu SPSS 20.

2.3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành trên cơ sở tôn trọng quyền tự quyết của đối tượng tham gia nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu nhằm mục đích phục vụ cộng đồng. Nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng thông qua đề cương của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng hoạt động tự học của sinh viên Y5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng học kỳ 1 năm học 2022 – 2023

Qua khảo sát 465 sinh viên Y5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng học kỳ 1 năm 2022 - 2023 cho kết quả như sau:

Bảng 3.1. Đặc điểm đối tượng nghiên cứu (ĐTNC)

Đặc điểm	Tần số (n = 465)	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nữ	282	61%
Nam	183	39%
Thời gian làm thêm		
Không đi làm thêm	265	57%
<8 giờ/tuần	127	27,3%
8-20 giờ/tuần	54	11,6%
>20 giờ/tuần	19	4,1%
Học lực		
≥ 3,2 (Giỏi)	18	3,9%
2,5 – 3,19 (Khá)	411	88,4%
< 2,5 (Trung bình)	36	7,7%

Nhận xét: Sinh viên nữ chiếm tỷ lệ 61%. Sinh viên xếp loại học lực khá chiếm 88,4%.

Bảng 3.2. Lĩnh vực tự học của đối tượng nghiên cứu theo giới

Giới	Lĩnh vực tự học n (%)			p
	Lý thuyết	Lâm sàng	Cả hai	
Nam (n = 183)	15 (8,2%)	4 (2,1%)	164 (89,7%)	p = 0,971
Nữ (n = 282)	24 (8,5%)	7 (2,5%)	251 (89%)	
Tổng (n = 465)	39 (8,4%)	11 (2,4%)	415 (89,2%)	

Nhận xét: 89,2% sinh viên tự học ở cả hai lĩnh vực lâm sàng và lý thuyết. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về lĩnh vực tự học giữa nam và nữ.

Bảng 3.3. Thời lượng tự học lý thuyết trong một ngày của ĐTNC theo giới

Giới	Số giờ lý thuyết n (%)				p
	< 1	1 - 2	2 - 4	> 4	
Nam (n = 183)	49 (26,8%)	69 (37,7%)	45 (24,6%)	20 (10,9%)	p = 0,246
Nữ (n = 282)	53 (18,8%)	119 (42,2%)	77 (27,3%)	33 (11,7%)	
Tổng (n = 465)	102 (21,9%)	188 (40,4%)	122 (26,2%)	53 (11,4%)	

Nhận xét: 40,4% sinh viên có thời gian tự học lý thuyết mỗi ngày từ 1 đến 2 giờ. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thời lượng tự học lý thuyết giữa nam và nữ.

Bảng 3.4. Thời lượng tự học lâm sàng trong một ngày của ĐTNC theo giới

Giới	Số giờ lâm sàng n (%)				p
	< 1	1 - 2	2 - 4	> 4	
Nam (n = 183)	74 (40,4%)	73 (39,9%)	23 (12,6%)	13 (7,1%)	p = 0,222
Nữ (n = 282)	89 (31,6%)	122 (43,3%)	48 (17%)	23 (8,1%)	
Tổng (n = 465)	163 (35,1%)	195 (41,9%)	71 (15,3%)	36 (7,7%)	

Nhận xét: 41,9% sinh viên có thời gian tự học lâm sàng mỗi ngày từ 1 đến 2 giờ. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về thời lượng tự học lâm sàng giữa nam và nữ.

Bảng 3.5. Phương pháp tự học của ĐTNC

Phương pháp	Tỷ lệ
Các phương pháp tự học lý thuyết (%)	
Học sâu hiểu kỹ	28,5%
Học qua việc làm test	27,0%
Học lướt	25,9%
Học theo nhóm	11,8%
Học có sự hướng dẫn của khoá trên	6,8%
Các phương pháp tự học lâm sàng (%)	
Thực hành dưới sự quan sát	20,3%
Bàn luận các ca lâm sàng	50,3%
Đóng vai mô phỏng ca lâm sàng	10,6%
Tăng cường việc đi bệnh viện	18,8%

Nhận xét: Phương pháp tự học lý thuyết được sinh viên áp dụng thường xuyên là “học sâu hiểu kỹ” (28,5%). Phương pháp tự học lâm sàng được sinh viên áp dụng thường xuyên là “bàn luận các ca lâm sàng” (50,3%).

Bảng 3.6. Địa điểm tự học của ĐTNC

Địa điểm tự học	Tỷ lệ
Tại nhà	57,5%
Tại trường	19,9%
Tại bệnh viện	20,8%
Các địa điểm khác	1,8%

Nhận xét: Nơi tự học thường xuyên của sinh viên là tại nhà với tỷ lệ 57,5%, trong khi có 19,9% học tại trường và 20,8% học tại bệnh viện.

3.2. Một số yếu tố liên quan đến tự học của sinh viên Y5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Bảng 3.7. Mối liên quan giữa học lực và giới của ĐTNC

Giới	Học lực		OR (95% CI)	P
	Giỏi, khá	Trung bình		
Nam	164	19	0,5537 (0,2798-1,0959)	0,0897
Nữ	265	17		
Tổng	429	36		

Nhận xét: Không có mối liên quan giữa học lực với giới của đối tượng nghiên cứu.

Bảng 3.8. Mối liên quan giữa học lực và thời gian tự học lý thuyết mỗi ngày của ĐTNC

Thời gian tự học lý thuyết	Học lực		OR (95% CI)	P
	Giỏi, khá	Trung bình		
< 1 giờ	92	10	0,7098 (0,3303-1,5252)	0,878
1-2 giờ	178	10	1,8438 (0,8673-3,99188)	0,1118
2-4 giờ	106	16	0,4102 (0,2051-0,8204)	0,0117
> 4 giờ	53	0	10,3732 (0,6274-171,5126)	0,1022
Tổng	429	36		

Nhận xét: Tỷ số chênh giữa nhóm có thời gian tự học lý thuyết 2-4 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có thời gian học lý thuyết khác 2-4 giờ/ngày (OR = 0,4102, p = 0,0117).

Bảng 3.9. Mối liên quan giữa học lực và thời gian tự học lâm sàng mỗi ngày của ĐTNC

Thời gian tự học lâm sàng	Học lực		OR (95% CI)	P
	Giỏi, khá	Trung bình		
< 1 giờ	146	17	0,5766 (0,2909-1,1429)	0,1147
1-2 giờ	187	8	2,7045 (1,2048-6,071)	0,0159
2-4 giờ	61	10	0,431 (0,198-0,9383)	0,034
> 4 giờ	35	1	3,1091 (0,4134-23,3824)	0,2705
Tổng	429	36		

Nhận xét: Tỷ số chênh giữa nhóm có thời gian tự học lâm sàng 1-2 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi cao hơn nhóm có thời gian học khác 1-2 giờ/ngày (OR = 2,7045, p = 0,0159). Tỷ số chênh giữa nhóm có thời gian tự học lâm sàng 2-4 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có thời gian học khác 2-4 giờ/ngày (OR = 0,431, p = 0,034).

Bảng 3.10. Mối liên quan giữa học lực và phương pháp tự học lý thuyết của ĐTNC

Phương pháp tự học lý thuyết	Học lực		OR (95% CI)	P
	Giỏi, khá	Trung bình		
Học sâu hiểu kỹ	197	10	2,0076 (0,9957-4,0482)	0,0514
Học qua việc làm test	183	13	1,306 (0,6886-2,4774)	0,4136
Học lướt	163	25	0,4261 (0,2461-0,7376)	0,0023
Học theo nhóm	78	8	0,8263 (0,3777-1,8076)	0,6328
Học có sự hướng dẫn của thầy cô, anh chị khoá trên	47	2	2,1192 (0,5014-8,9559)	0,3071
Tổng (số lượt)	668	58		

Nhận xét: Tỷ số chênh giữa nhóm có phương pháp tự học lý thuyết là Học lướt đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có các phương pháp học khác (OR = 0,4261, p = 0,0023).

Bảng 3.11. Mối liên quan giữa học lực và phương pháp tự học lâm sàng của ĐTNC

Phương pháp tự học lâm sàng	Học lực		OR (95% CI)	P
	Giỏi, khá	Trung bình		
Bàn luận các ca lâm sàng	319	18	1,5009 (0,8065-2,7931)	0,2
Thực hành dưới sự quan sát	124	12	0,6587 (0,3297-1,3158)	0,237
Đóng vai mô phỏng ca lâm sàng	63	8	0,5036 (0,2242-1,131)	0,0965
Tăng cường đi bệnh viện	120	6	1,502 (0,6207-3,6346)	0,367
Tổng (số lượt)	626	44		

Nhận xét: Không có mối liên quan giữa học lực và phương pháp tự học lâm sàng của ĐTNC.

Bảng 3.12. Mối liên quan giữa học lực và việc đi làm thêm của ĐTNC

Giới	Học lực		OR (95% CI)	P
	Giỏi, khá	Trung bình		
Không	239	26	0,4838 (0,2277-1,0281)	0,059
Có	190	10		
Tổng	429	36		

Nhận xét: Không có mối liên quan giữa học lực và việc đi làm thêm của ĐTNC.

Bảng 3.13. Mối liên quan giữa việc đi làm thêm và số giờ tự học lý thuyết của ĐTNC

Làm thêm	Số giờ tự học lý thuyết		OR (95%CI)	P
	> 2	≤ 2		
Không	108	157	1,3655 (0,9316-2,0017)	0,1103
Có	67	133		
Tổng	175	290		

Nhận xét: Không có mối liên quan giữa việc đi làm thêm và số giờ tự học lý thuyết của ĐTNC.

Bảng 3.14. Mối liên quan giữa việc đi làm thêm và số giờ tự học lâm sàng của ĐTNC

Làm thêm	Số giờ tự học lâm sàng		OR (95%CI)	P
	> 2	≤ 2		
Không	61	204	1,0011 0,6472-1,5485	0,9962
Có	46	154		
Tổng	107	358		

Nhận xét: Không có mối liên quan giữa việc đi làm thêm và số giờ tự học lâm sàng của ĐTNC.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Về thực trạng hoạt động tự học của sinh viên Y5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng học kỳ 1 năm học 2022 - 2023

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên tham gia khảo sát chủ yếu dành 1-2 giờ mỗi ngày cho việc tự học lý thuyết (tỷ lệ 40,4%) và dành 1-2 giờ mỗi ngày cho việc tự học lâm sàng (41,9%). Như vậy tổng thời gian tự học lý thuyết và lâm sàng của sinh viên trong khoảng 2-4 giờ trong một ngày. Kết quả này không có sự khác biệt so với nghiên cứu của Lý Văn Xuân với 45,2% sinh viên tự học 2-4 giờ trong một ngày. Điều này cho thấy có sự tương đồng trong thời gian tự học giữa sinh viên Y5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng và sinh viên Y1 Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Lý giải cho sự tương đồng trên có thể do hai nghiên cứu này đều nghiên cứu về vấn đề tự học của đối tượng sinh viên y khoa [4].

Về hoạt động tự học lý thuyết, đa số sinh

viên chọn phương pháp học sâu hiểu kỹ (28,5%). Về hoạt động tự học lâm sàng, phương pháp được áp dụng chủ yếu là bàn luận các ca lâm sàng (50,3%). Trong đào tạo y khoa, do khối lượng kiến thức lớn và là ngành đào tạo đặc thù, học lý thuyết đi đôi với thực hành nên sinh viên phải thường xuyên đọc tài liệu, giáo trình để nắm vững kiến thức. Từ đó, sinh viên sẽ áp dụng các kiến thức đã học vào việc thảo luận, biện luận các ca bệnh trên thực tế.

Hầu hết sinh viên tự học tại nhà với tỷ lệ 57,5%, tại bệnh viện với tỷ lệ 20,8% và tại trường với tỷ lệ 19,9%. Kết quả này có khác biệt so với nghiên cứu trên sinh viên Y1 Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh của Lý Văn Xuân với tỷ lệ 92,2% sinh viên tự học tại nhà. Sự khác biệt trên có thể do sinh viên Y5 đã năng động và hoạt bát hơn trong việc đa dạng địa điểm học tập, đặc biệt là học tập tại bệnh viện để nâng cao hiệu quả học tập cả lý thuyết và lâm sàng. Ngoài ra, việc nâng cao cơ sở vật chất tại trường như xây dựng thêm các khu tự học cho sinh viên cũng thúc đẩy sinh viên học tập tại trường, tạo nhiều hứng thú trong quá trình

học tập [4],[5].

Sinh viên không đi làm thêm chiếm tỷ lệ 57%, kết quả này tương đồng với khảo sát của Lê Thúy Hương về Thực trạng đi làm thêm của sinh viên trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương năm 2019 với số sinh viên không đi làm thêm là 58,6% [6]. Do tính đặc thù của chương trình đào tạo y khoa, sinh viên vừa học lý thuyết ở trường, vừa học lâm sàng và tham gia trực tại bệnh viện. Vì vậy, sinh viên sẽ có ít thời gian cho việc đi làm thêm nếu muốn hoàn thành tốt chương trình học.

4.2. Về một số yếu tố liên quan đến đến hoạt động tự học của sinh viên Y5 Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Từ kết quả nghiên cứu trong Bảng 3.7 cho thấy không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa học lực với giới của sinh viên. Điều này cho thấy giới không ảnh hưởng đến kết quả học tập, có thể do cả hai giới đều có những phương pháp và thời gian học phù hợp để đạt kết quả học tập tốt.

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 3.8 chỉ ra có mối liên quan giữa học lực và thời gian tự học lý thuyết của sinh viên. Tỷ số chênh giữa nhóm có thời gian tự học lý thuyết 2-4 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có thời gian học lý thuyết khác 2-4 giờ/ngày (OR = 0,4102, p = 0,0117). Tỷ số chênh giữa nhóm có thời gian tự học lâm sàng 1-2 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi cao hơn nhóm có thời gian học khác 1-2 giờ/ngày (OR = 2,7045, p = 0,0159). Tỷ số chênh giữa nhóm có thời gian tự học lâm sàng 2-4 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có thời gian học khác 2-4 giờ/ngày (OR = 0,431, p = 0,034). Có thể nhận thấy nhóm có thời gian tự học lý thuyết cũng như lâm sàng 2-4 giờ/ngày đều không đem lại kết quả học tập cao, trong khi nhóm

có thời gian tự học lâm sàng 1-2 giờ/ngày lại có kết quả học tập cao. Như vậy, để đạt điểm cao không chỉ phụ thuộc vào thời gian tự học nhiều hay ít mà còn có các yếu tố khác chi phối, thời gian tự học vừa phải có thể đem lại hiệu quả cao hơn so với thời gian tự học quá ít học quá nhiều [1],[3],[5].

Bảng 3.10 chỉ ra có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa học lực và phương pháp tự học lý thuyết. Tỷ số chênh giữa nhóm có phương pháp tự học lý thuyết là Học lướt đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có các phương pháp học khác (OR = 0,4261, p = 0,0023). Sinh viên trong chương trình đổi mới cần định hướng được phương pháp tự học phù hợp để đạt hiệu quả cao. Lượng kiến thức sinh viên y khoa phải tiếp cận rất nhiều. Để tránh việc quên hay không hiểu rõ kiến thức, điều sẽ ảnh hưởng lớn đến việc chẩn đoán và điều trị sau này, sinh viên cần học sâu, rộng để hiểu kỹ các vấn đề hơn là chỉ học lướt qua. Nghiên cứu này cho thấy không có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa học lực và phương pháp tự học lâm sàng. Có thể các phương pháp tự học lâm sàng của sinh viên có hiệu quả tương đương nhau [1],[5].

Từ các kết quả ở bảng 3.12 đến 3.14 cho thấy không có mối liên quan giữa học lực và việc đi làm thêm trong tuần của sinh viên, cũng như không có mối liên quan giữa việc đi làm thêm và số giờ tự học lý thuyết, số giờ tự học lâm sàng. Điều này có thể lý giải rằng việc đi làm thêm không thực sự ảnh hưởng nhiều tới điểm số cũng như số giờ tự học. Nhiều nghiên cứu cũng đã cho thấy hiệu quả của tự học còn phụ thuộc vào sự quản lý thời gian của mỗi cá nhân, chất lượng giờ học và nhiều yếu tố khác [3],[6].

V. KẾT LUẬN

Sinh viên tự học cả hai lĩnh vực lý thuyết

và lâm sàng chiếm 89,2%. 40,4% sinh viên có thời gian tự học mỗi ngày 1-2 giờ lý thuyết, 41,9% sinh viên có thời gian tự học mỗi ngày 1-2 giờ lâm sàng. Phương pháp tự học được sinh viên áp dụng nhiều nhất về lý thuyết là Học sâu hiểu kỹ chiếm 28,5%, về thực hành là Bàn luận các ca lâm sàng chiếm 50,3%. Sinh viên không đi làm thêm chiếm tỷ lệ 57%.

Có mối liên quan giữa học lực và thời gian tự học của sinh viên. Nhóm có thời gian tự học lý thuyết 2-4 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có thời gian học lý thuyết khác 2-4 giờ/ngày (OR = 0,4102, p = 0,0117). Nhóm có thời gian tự học lâm sàng 1-2 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi cao hơn nhóm có thời gian học khác 1-2 giờ/ngày (OR = 2,7045, p = 0,0159). Nhóm có thời gian tự học lâm sàng 2-4 giờ/ngày đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có thời gian học khác 2-4 giờ/ngày (OR = 0,431, p = 0,034). Có mối liên quan giữa học lực và phương pháp tự học lý thuyết của sinh viên. Nhóm có phương pháp tự học lý thuyết là Học lướt đạt học lực khá, giỏi thấp hơn nhóm có các phương pháp học khác (OR = 0,4261, p = 0,0023).

VI. KIẾN NGHỊ

Với lượng kiến thức lớn và thường xuyên cập nhật, để tổng hợp kiến thức cho sinh viên y khoa thì phương pháp học sâu hiểu kỹ là phương pháp hiệu quả nhất.

Trong việc tự học lâm sàng, phương pháp bàn luận các ca lâm sàng giúp vận dụng kiến thức vào tình huống thực tế lâm sàng, tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp xúc nhiều hơn với môi trường làm việc thực tế mà không có trong sách vở nào ghi chép hết được.

VII. LỜI CẢM ƠN

Một phần kinh phí thực hiện nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, mã số đề tài HPMU.ĐT.23.174

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Barbosa J., Silva A., Ferreira M.A. et al.** "The impact of students and curriculum on self-study during clinical training in medical school: a multilevel approach. BMC Medical Education 2017; 17(9): DOI 10.1186/s12909-016-0846-3.
2. **Trương Thị Hồng Thúy.** Hoạt động tự học của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Y Dược Thái Nguyên trong phương thức đào tạo theo tín chỉ. Tạp chí Khoa học & Công nghệ 2021; 112(12): 247-250.
3. **Angélica M., Carlinda L., Cristina R.** Students' self-study time and its relationship with a lifelong learning profile. European Journal of Curriculum Studies 2019; 5(1): 753-768.
4. **Lý Văn Xuân, Nguyễn Ngọc Lân, Trần Đức Nhật.** Khảo sát hoạt động tự học của sinh viên y đa khoa năm thứ nhất Đại học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh năm 2016. Y học Thành Phố Hồ Chí Minh 2016; 20(1): 28-34.
5. **Lý Văn Xuân, Lý Khánh Vân.** Khảo sát hoạt động tự học của sinh viên Y đa khoa năm thứ hai Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh năm 2016-2017. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh 2018.
6. **Lê Thúy Hương, Hoàng Thị Thanh Hiền, Nguyễn Dương Cầm và cs.** Thực trạng đi làm thêm của sinh viên Trường Đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương năm 2019. Tạp chí Y học Việt Nam 2021; 503(2): 182-186.